

## ***LỜI GIỚI THIỆU***

Bản tin pháp luật tháng 10/2025 gồm 3 phần chính:

- **Phần 1:** Các quy định của Tập đoàn đã ban hành.

- **Phần 2:** Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của các Bộ đang lấy ý kiến; Trách nhiệm đơn vị nghiên cứu, xem xét có ý kiến khi nhận được yêu cầu góp ý của Bộ.

- **Phần 3:** Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn:

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý.*

*b. Trách nhiệm các đơn vị tổ chức triển khai văn bản quy phạm pháp luật.*

Ban Pháp chế - Thanh tra trân trọng giới thiệu tới các đơn vị, cá nhân của Tập đoàn.

*Lưu ý: Bản tin chỉ trích dẫn một số nội dung của văn bản quy phạm pháp luật, để hiểu đầy đủ và chính xác quy định pháp luật, đề nghị các đơn vị, cá nhân tìm đọc chi tiết toàn văn văn bản.*

**LƯU HÀNH NỘI BỘ**

**Phần 1: Các quy chế, quy định, quy trình của Tập đoàn đã ban hành**

1. Quyết định số 222/QĐ-VNPT-HĐTV-CN ngày 07/10/2025 quy chế quản trị dữ liệu của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (số eOffice: 438413).
2. Quyết định số 2449/QĐ-VNPT-PCTT ngày 01/10/2025 quy định về giải quyết khiếu nại, xử lý đơn tố cáo, kiến nghị, phản ánh về lao động trong Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (số eOffice: 853985).
3. Quyết định số 2432/QĐ-VNPT-PCTT ngày 01/10/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nội quy lao động Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1665/QĐ-VNPT-PCTT ngày 31/12/2020 (số eOffice: 849463).
4. Quyết định số 2079/QĐ-VNPT-CN ngày 22/9/2025 quy định phân loại và bảo vệ dữ liệu của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (số eOffice: 701880).

**Phần 2: Các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của các Bộ đang lấy ý kiến**

STT	Tên Dự thảo	Ngày lấy ý kiến	Trách nhiệm nghiên cứu
<b>BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>			
1	Dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo	Ngày bắt đầu 29/9/2025  Ngày hết hạn 20/10/2025	Ban Công nghệ (Tập đoàn)
2	Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu đối với dịch vụ cấp dấu thời gian	Ngày bắt đầu 25/09/2025  Ngày hết hạn 25/11/2025	VNPT-IT
3	Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu đối với dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu	Ngày bắt đầu 25/09/2025  Ngày hết hạn 25/11/2025	VNPT-IT

<b>BỘ TÀI CHÍNH</b>			
1	Dự thảo Luật Đầu tư kinh doanh	Ngày bắt đầu 06/9/2025  Ngày hết hạn 06/10/2025	Ban Kế hoạch – Đầu tư (Tập đoàn)
2	Dự thảo Thông tư quy định chi tiết một số điều của Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt	Ngày bắt đầu 01/10/2025  Ngày hết hạn 10/10/2025	Ban Kế toán – Tài chính (Tập đoàn)

*Đơn vị/cá nhân có góp ý đối với các Dự thảo đang được lấy ý kiến, xin gửi về Ban Pháp chế - Thanh tra (hoabq@vnpt.vn) để tổng hợp.*

### **Phần 3: Các VBQPPL liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn**

**1. Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư**

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03/9/2025

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

Hồ sơ thủ tục đầu tư phải có bản điện tử có chữ ký số

Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 239/2025/NĐ-CP bổ sung khoản 1a và khoản 1b vào sau khoản 1 Điều 6 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Theo đó, khi thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, nhà đầu tư nộp bản điện tử của hồ sơ theo quy định như sau:

- Bản điện tử của hồ sơ phải có chữ ký số theo quy định pháp luật về giao dịch điện tử và có giá trị pháp lý như hồ sơ bản giấy đã nộp cho Bộ Tài chính, Cơ quan đăng ký đầu tư;

- Hồ sơ thủ tục đầu tư phải có bản điện tử có chữ ký số: Khi thực hiện thủ tục hành chính về đầu tư, nhà đầu tư nộp bản điện tử của hồ sơ.

Bên cạnh đó, nhà đầu tư được lựa chọn một trong các hình thức: trực tiếp, trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính công ích để nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính phù hợp với hình thức tiếp nhận của thủ tục hành chính đó.

### Rút ngắn thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Điểm b khoản 12 Điều 1 Nghị định số 239/2025/NĐ-CP sửa đổi đoạn đầu khoản 3 Điều 36 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP:

*“Cơ quan đăng ký đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ khi dự án đáp ứng các điều kiện sau...”*

Trong khi đó, thời gian cơ quan đăng ký đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là 15 ngày theo quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Như vậy, thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được rút ngắn từ 15 ngày xuống còn 10 ngày.

### Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư

Khoản 9 và khoản 10 Điều 1 Nghị định số 239/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 32 và 33 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP:

Tổng thời gian thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ là 38 ngày, cụ thể:

- 3 ngày: Bộ Tài chính gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các bộ, cơ quan liên quan (quy định trước đây cũng là 3 ngày).

- 10 ngày: Các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định và gửi lại cho Bộ Tài chính. (quy định trước đây là 15 ngày).

- 20 ngày: Bộ Tài chính tổ chức thẩm định hồ sơ và lập báo cáo thẩm định (quy định trước đây là 40 ngày).

- 5 ngày: Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư sau khi nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Tài chính (quy định trước đây là 07 ngày).

Như vậy, đối với dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ thì tổng thời gian xử lý giảm từ khoảng 65 ngày tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP còn 38 ngày.

### Bổ sung quy định về ưu đãi cho công nghệ số

Bổ sung “*khu công nghệ số tập trung*” vào quy định về đăng ký đầu tư, đưa “*khu công nghệ số tập trung*” vào hầu hết các điều khoản về ưu đãi, thủ tục cũng như cơ chế

quản lý ngang hàng với khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao. Theo đó, “*khu công nghệ số tập trung*” đã được thành lập theo quy định của Chính phủ được cấp có thẩm quyền phê duyệt đưa ra khỏi quy hoạch hoặc chấp thuận chuyển đổi sang mục đích sử dụng khác hoặc dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật về đầu tư thì các dự án đầu tư thực hiện trong “*khu công nghệ số tập trung*” được tiếp tục hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại:

- Giấy phép đầu tư
- Giấy phép kinh doanh
- Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư
- Giấy chứng nhận đầu tư
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
- Văn bản quyết định chủ trương đầu tư
- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư

- Hoặc văn bản khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quy định về ưu đãi đầu tư hoặc theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ số tập trung.

#### Bổ sung Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư

Nghị định số 239/2025/NĐ-CP đã bổ sung nhiều ngành nghề mới vào Phụ lục II – Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư. Cụ thể, sửa đổi, bổ sung số thứ tự 3 Mục A.III của Phụ lục II, Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư:

- Đầu tư phát triển nhà máy nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước; cầu, đường bộ;

- Đầu tư phát triển và vận hành, quản lý công trình kết cấu hạ tầng đường sắt, kinh doanh vận tải đường sắt, công nghiệp đường sắt và đào tạo nguồn nhân lực đường sắt;

- Cảng hàng không, cảng biển, cảng thủy nội địa;

- Sân bay, nhà ga và công trình cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

*b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Ban Kế hoạch Đầu tư (Tập đoàn), VNPT-IT, VNPT-Net, VNPT-VinaPhone, VNPT-Media, VNPT tỉnh/thành phố, Focal nghiên cứu thực hiện.

***2. Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước***

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/9/2025 và bãi bỏ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 15/4/2025 của Chính phủ quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp Nhà nước. Các chế độ quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01/8/2025.

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

Nguyên tắc chung thực hiện tiền lương, thù lao, tiền thưởng

- Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, Kiểm soát viên, người đại diện vốn chuyên trách được xếp lương theo bảng lương của doanh nghiệp xây dựng, ban hành làm cơ sở để thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật lao động và hưởng tiền lương, tiền thưởng do doanh nghiệp chi trả; người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, Kiểm soát viên và người đại diện vốn không chuyên trách thì xếp lương, hưởng tiền lương, tiền thưởng do cơ quan đại diện chủ sở hữu chi trả gắn với chức danh, công việc đảm nhận tại cơ quan đại diện chủ sở hữu và hưởng thù lao do doanh nghiệp chi trả. Tiền lương của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, Kiểm soát viên, người đại diện vốn chuyên trách và thù lao của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, Kiểm soát viên, người đại diện vốn không chuyên trách do doanh nghiệp chi trả được tính trong quỹ tiền lương chung của doanh nghiệp.

- Căn cứ quỹ tiền lương chung, quỹ tiền thưởng, quy chế hoặc chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định, người đại diện vốn tham gia ý kiến với cấp có thẩm quyền (Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông) quyết định và chi trả mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng cụ thể cho người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện vốn theo chức danh, chức vụ đảm nhận tại doanh nghiệp; cơ quan đại diện chủ sở hữu cho ý kiến về mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng cụ thể của Kiểm soát viên và thông báo để doanh nghiệp chi trả cho Kiểm soát viên. Mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng chi trả cho người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, Kiểm soát viên và người đại diện vốn không được vượt quá mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng tối đa quy định tại Chương II Nghị định này.

- Mức tiền lương, thù lao tối đa tại Chương II Nghị định này được quy định theo chức danh Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên (sau đây gọi tắt là Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên), tính bình quân theo tháng và gắn với các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh theo năm, gồm: vốn chủ sở hữu hoặc vốn góp của chủ sở hữu; doanh thu; lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tổng doanh thu trừ tổng chi phí đối với doanh nghiệp hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận. Việc xác định mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng tối đa làm cơ sở để thực hiện mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng cụ thể được căn cứ vào các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh thực hiện hằng năm của doanh nghiệp nhà nước, tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và chức danh thực tế đảm nhận của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, Kiểm soát viên, người đại diện vốn tại doanh nghiệp. Trong đó:

+ Đối với người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện vốn đảm nhận chức danh là Chủ tịch công ty kiêm Tổng Giám đốc, Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc, Giám đốc theo quy định của pháp luật thì xác định tiền lương, tiền thưởng theo Chủ tịch công ty hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên chuyên trách, trong đó tiền lương được tăng thêm bằng 20% mức tiền lương của chức danh này; Thành viên hội đồng đồng thời là thành viên Ban điều hành thì xác định theo tiền lương, tiền thưởng của thành viên Ban điều hành và thù lao của Thành viên hội đồng không chuyên trách; Ban kiểm soát chỉ có 01 Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 103 Luật Doanh nghiệp thì xác định theo tiền lương, thù lao của Trưởng Ban kiểm soát;

+ Đối với người đại diện vốn đảm nhận chức danh không phải là Thành viên hội đồng thì người đại diện vốn chuyên trách hưởng mức tiền lương, tiền thưởng do doanh nghiệp chi trả được xác định theo chức danh người đại diện vốn đảm nhận tại doanh nghiệp theo quy chế tiền lương hoặc quy định của doanh nghiệp; người đại diện vốn không chuyên trách hưởng mức tiền lương, tiền thưởng do cơ quan đại diện chủ sở hữu chi trả gắn với chức danh, công việc đảm nhận theo khoản 1 Điều này và thù lao do doanh nghiệp chi trả được xác định theo chức danh người đại diện vốn đảm nhận tại doanh nghiệp theo quy chế tiền lương hoặc quy định của doanh nghiệp.

- Khi xác định mức tiền lương, thù lao tối đa của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên, nếu có yếu tố khách quan quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này tác động trực tiếp làm tăng hoặc giảm lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp, tổng doanh thu trừ tổng chi phí (đối với doanh nghiệp hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận) thực hiện so với kế hoạch thì Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty tính toán loại trừ, người đại diện vốn tham gia ý kiến với cấp có thẩm quyền (Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông) tính toán loại trừ, bảo đảm tiền lương, thù lao gắn với hiệu quả sản xuất, kinh doanh thực sự của doanh nghiệp.

Mức lương cơ bản của Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách

Mức lương cơ bản của Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách vẫn được phân thành 2 nhóm, trong đó bỏ mức 4 của nhóm 2 và chỉ điều chỉnh mức lương cơ bản của nhóm 2 như sau:

Mức lương cơ bản	Nhóm I				Nhóm II		
	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3
1. Chủ tịch Hội đồng thành viên (hoặc Chủ tịch công ty), Chủ tịch Hội đồng quản trị	80	70	62	53	48	42	37
2. Trưởng Ban kiểm soát	66	58	51	44	41	36	31
3. Thành viên Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên	65	57	50	43	40	35	30

Mức tiền lương tối đa

Mức tiền lương tối đa của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách được xác định trên cơ sở mức lương cơ bản quy định tại Điều 4 Nghị định và lợi nhuận thực hiện của doanh nghiệp.

Mức thù lao tối đa

Mức thù lao tối đa của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên không chuyên trách được xác định theo thời gian thực tế làm việc nhưng không được vượt quá 20% mức tiền lương tương ứng của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách.

*b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Ban Nhân lực (Tập đoàn) nghiên cứu, thực hiện.

**3. Nghị định số 249/2025/NĐ-CP ngày 19/9/2025 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/9/2025

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

### Phạm vi điều chỉnh

- Nghị định này quy định cơ chế, chính sách thu hút, gồm: tiêu chí; quy trình tuyển chọn; quyền và nghĩa vụ; trách nhiệm; đánh giá; chính sách đối với chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Nghị định này không áp dụng đối với Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng quy định tại Nghị định số 231/2025/NĐ-CP ngày 26/8/2025 của Chính phủ quy định về tuyển chọn, sử dụng Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, Tổng công trình sư quy định tại Nghị định số 103/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định một số chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, Cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt và chế độ, chính sách đối với người lao động trong cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt.

### Đối tượng áp dụng

- Cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đáp ứng tiêu chí chuyên gia quy định tại Nghị định này được đề cử, ứng cử, lựa chọn làm chuyên gia.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và địa phương, lực lượng vũ trang và doanh nghiệp được giao chủ trì thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khác có liên quan.

### Tiêu chí và quy trình tuyển chọn chuyên gia

Chuyên gia phải có kiến thức, trình độ, kinh nghiệm trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tiêu chí bao gồm việc chủ trì hoặc tham gia các nhiệm vụ khoa học, có lý lịch rõ ràng, đạo đức tốt và mong muốn cống hiến cho Việt Nam. Quy trình tuyển chọn bao gồm công bố nhu cầu, đề cử, ứng cử và kiểm tra hồ sơ, sau đó ký hợp đồng lao động.

### Quyền và nghĩa vụ của chuyên gia

Chuyên gia có quyền quyết định các vấn đề kỹ thuật, sử dụng kinh phí, và được hỗ trợ trong việc nghiên cứu, trao đổi khoa học. Họ cũng phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, bảo vệ thông tin và tôn trọng văn hóa Việt Nam.

### Chính sách đãi ngộ và phúc lợi

Chuyên gia được hưởng lương, thưởng, hỗ trợ chi phí sinh hoạt, thuê nhà, và chăm sóc y tế; Được tôn vinh, khen thưởng và có cơ hội tham gia các diễn đàn khoa học.

#### Chính sách đối với gia đình chuyên gia

Thành viên gia đình chuyên gia được hỗ trợ tìm trường học, học phí, chăm sóc sức khỏe và cơ hội việc làm; được cấp thị thực nhiều lần và thẻ tạm trú.

#### Chính sách đối với cơ quan, tổ chức đề cử chuyên gia

Cơ quan, tổ chức đề cử chuyên gia sẽ được thưởng nếu chuyên gia đáp ứng yêu cầu sau 12 tháng làm việc.

#### Kinh phí thực hiện

Kinh phí chi trả chế độ, chính sách tại Nghị định này được bố trí trong kinh phí thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

#### *b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Trung tâm Nghiên cứu Phát triển nghiên cứu thực hiện.

#### **4. Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công**

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/9/2025

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

#### Phạm vi điều chỉnh

Nghị định quy định chi tiết về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công cho nhiệm vụ, dự án theo quy định của Luật Đầu tư công, bao gồm:

- Quản lý, thanh toán vốn đầu tư công cho:

+ Nhiệm vụ, dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước (bao gồm trường hợp sử dụng vốn ngân sách địa phương cho các dự án thuộc trung ương quản lý).

+ Nhiệm vụ, dự án đầu tư công sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư.

- Quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ).

- Quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, bao gồm các nhiệm vụ, dự án (sau đây gọi chung là dự án) quy định tại khoản 1 Điều này sau khi hoàn thành hoặc dừng, ngừng, tạm ngừng, hủy bỏ, chấm dứt (sau đây gọi chung là dừng) theo văn bản cho phép dừng thực hiện của người có thẩm quyền quyết định đầu tư. Dự án, công trình, hạng mục công trình sử dụng một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư công: thực hiện thống nhất theo quy định tại Nghị định này, trừ dự án có quy định riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Dự án có nguồn đóng góp bằng hiện vật, ngày công lao động hoặc công trình hoàn thành: căn cứ đơn giá hiện vật, giá trị ngày công lao động hoặc giá trị công trình hoàn thành để hạch toán vào giá trị công trình, dự án để theo dõi, quản lý. Dự án thực hiện theo hình thức sử dụng vốn đầu tư công hỗ trợ bằng vật liệu xây dựng, các hình thức hỗ trợ hiện vật khác: các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể việc quyết toán phần vốn hỗ trợ cho phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị thực hiện và của Nhà nước.

- Quy trình, thủ tục thanh toán và quyết toán các nhiệm vụ, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thực hiện theo các quy định tại Nghị định này. Thủ tục rút vốn và quản lý rút vốn thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng theo quy định của Luật Điều ước quốc tế.

- Nghị định không quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công (trừ trường hợp các quy định riêng của Chính phủ có dẫn chiếu thực hiện theo Nghị định này) để:

+ Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán cho đối tượng này thực hiện theo các quy định riêng của Chính phủ.

+ Nhiệm vụ chi cấp vốn thực hiện cho vay các Chương trình tín dụng chính sách của ngân sách trung ương qua Ngân hàng chính sách.

+ Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Chính phủ.

+ Vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

+ Nhiệm vụ hỗ trợ đầu tư từ nguồn vốn đầu tư công cho các đối tượng chính sách thuộc nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia.

+ Vốn đầu tư công để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất (việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư công để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất thực hiện theo Nghị định của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất).

### Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc quản lý, thanh toán, quyết toán nhiệm vụ, dự án sử dụng vốn đầu tư công trong phạm vi quy định tại Điều 1 Nghị định này.

### Rút ngắn thời gian thanh toán khối lượng hoàn thành

Khoản 5 Điều 20 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP đã rút ngắn thời gian thực hiện thanh toán vốn cho nhiệm vụ, dự án trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán của cơ quan chủ quản.

Theo quy định cũ tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (“Nghị định số 99/2021/NĐ-CP”), việc kiểm soát, thanh toán tại cơ quan kiểm soát, thanh toán trong tối đa 03 ngày làm việc căn cứ vốn kế hoạch đã được giao hàng năm của dự án, cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn cho dự án.

### Thay đổi thời gian nộp báo cáo quyết toán theo niên độ

Điều 28 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP, Chính phủ cũng rút ngắn thời gian nộp báo cáo quyết toán theo niên độ với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Bộ, cơ quan Trung ương quản lý như sau:

- Bộ, cơ quan Trung ương xét duyệt báo cáo của các chủ đầu tư; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Bộ Tài chính trước ngày 05/7 năm sau năm quyết toán (quy định cũ tại điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP là trước ngày 01/8 năm sau năm quyết toán).

- Cơ quan thanh toán cấp khu vực tổng hợp số liệu quyết toán theo niên độ báo cáo cơ quan thanh toán cấp trung ương trước ngày 15/4 năm sau năm quyết toán.

- Cơ quan thanh toán cấp Trung ương tổng hợp số liệu quyết toán theo niên độ báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 01/6 năm sau năm quyết toán (*quy định cũ tại Điều 29 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP quy định, cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp Trung ương tổng hợp số liệu quyết toán theo niên độ báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 15/7 năm sau năm quyết toán*).

### Nâng thời gian thẩm tra quyết toán dự án nhóm B, C

Về thời gian tối đa thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành nhóm B và nhóm C, Chính phủ được quy định như sau:

- Đối với dự án hoàn thành nhóm B: Nâng từ 4 tháng theo quy định cũ của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP lên 5 tháng.

- Đối với dự án hoàn thành nhóm C: Nâng từ 3 tháng theo quy định cũ của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP lên 4 tháng.

### Đơn giản hồ sơ thanh toán vốn với công việc hoàn thành thông qua hợp đồng

Điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP chỉ quy định hồ sơ thanh toán vốn của nhiệm vụ, dự án với khối lượng công việc hoàn thành thực hiện thông qua hợp đồng gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT).

- Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT).

- Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT).

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT).

Trong đó, hợp đồng có thể bao gồm: Hợp đồng xây dựng, hợp đồng thực hiện dự án không có cấu phần xây dựng.

### *b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Ban Kế hoạch – Đầu tư, Kế toán – Tài chính (Tập đoàn), VNPT-IT, VNPT-Net, VNPT tỉnh/thành phố, VNPT-VinaPhone, VNPT-Media, Focal nghiên cứu thực hiện.

**5. Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán**

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/9/2025

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

**Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về hệ thống mẫu biểu và việc sử dụng mẫu biểu trong công tác quyết toán cho các nhiệm vụ, dự án theo quy định tại Điều 1 của Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công gồm:

- Hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ).

- Hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

**Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, thực hiện hoặc có liên quan đến công tác quyết toán theo niên độ, quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

Hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán theo niên độ, hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, sử dụng mẫu biểu được đăng tải trên website Thư viện quy định.

***b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL***

Ban Kế hoạch – Đầu tư, Kế toán – Tài chính (Tập đoàn), VNPT-IT, VNPT-Net, VNPT tỉnh/thành phố, VNPT-VinaPhone, VNPT-Media, Focal nghiên cứu thực hiện.

**6. Thông tư số 19/2025/TT-BKHCN ngày 06/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định kiểm toán kỹ thuật chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy**

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý*

### Phạm vi điều chỉnh

Thông tư quy định chi tiết về hoạt động kiểm toán kỹ thuật được quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy.

### Đối tượng áp dụng

- Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động kiểm toán kỹ thuật đối với hệ thống thông tin, quy trình cung cấp dịch vụ chữ ký điện tử bảo đảm an toàn, chứng thư chữ ký điện tử bảo đảm an toàn, chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ tin cậy.

- Cơ quan, tổ chức tạo lập, sử dụng chữ ký điện tử bảo đảm an toàn và chứng thư chữ ký điện tử bảo đảm an toàn được chủ động thực hiện kiểm toán kỹ thuật quy định tại Thông tư này để đánh giá hệ thống thông tin và quy trình cung cấp dịch vụ.

### Kiểm toán kỹ thuật và tổ chức kiểm toán

Kiểm toán kỹ thuật là hoạt động đánh giá độc lập, khách quan nhằm xác định việc đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy. Tổ chức kiểm toán kỹ thuật là các tổ chức chứng nhận được chỉ định theo quy định pháp luật.

### Chu kỳ và phương pháp kiểm toán

Kiểm toán kỹ thuật được thực hiện định kỳ 2 năm/lần. Trong vòng 1 năm kể từ khi được cấp chứng thư chữ ký số, tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy phải hoàn thành kiểm toán kỹ thuật lần đầu ngoại trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư này. Đối với các tổ chức được kiểm toán kỹ thuật có nhiều địa điểm hoạt động, việc kiểm toán kỹ thuật phải được thực hiện đánh giá tại trụ sở chính của tổ chức được kiểm toán kỹ thuật và có thể áp dụng mẫu địa điểm đại diện để đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm nguồn lực.

### Quy trình kiểm toán kỹ thuật

Quy trình kiểm toán bao gồm các bước: lập báo cáo đánh giá sơ bộ, xây dựng kế hoạch khắc phục, gửi kết quả khắc phục và bằng chứng, đánh giá kết quả khắc phục, và cấp giấy chứng nhận. Báo cáo kiểm toán kỹ thuật phải bao gồm thông tin về tổ chức được kiểm toán, mục tiêu, phạm vi, địa điểm kiểm toán, và các phát hiện đánh giá.

### Chỉ định tổ chức kiểm toán kỹ thuật

Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ định các tổ chức kiểm toán kỹ thuật và công khai danh sách trên cổng thông tin điện tử của Bộ. Các tổ chức này có trách nhiệm thực hiện kiểm toán kỹ thuật theo quy định pháp luật và đảm bảo tính khách quan, độc lập trong quá trình kiểm toán.

Trách nhiệm của tổ chức được kiểm toán kỹ thuật

- Trong thời gian tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả kiểm toán kỹ thuật, gửi kết quả kiểm toán kỹ thuật đến Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia) để phục vụ công tác quản lý;

- Bảo đảm tính liên tục về hiệu lực của giấy chứng nhận trong quá trình cung cấp dịch vụ tin cậy.

*b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL*

Ban Công nghệ (Tập đoàn), VNPT-IT, VNPT-Vinaphone nghiên cứu thực hiện.